

Họ, tên thí sinh:.....

Số báo danh:.....

ĐỀ THI GỒM 80 CÂU (TỪ CÂU 1 ĐẾN CÂU 80) DÀNH CHO TẤT CẢ THÍ SINH.

Chọn phương án đúng (ứng với A hoặc B, C, D) điền vào chỗ trống trong các câu sau.

Câu 1: Phiên âm đúng của từ 技巧 là: jì_____iǎo.

- A. x B. j C. t D. q

Câu 2: Phiên âm đúng của từ 水土 là: _____.

- A. shuǐtǔ B. shuǐtú C. shuǐtǔ D. shuǐtù

Câu 3: Phiên âm đúng của từ 攀登 là: p_____dēng.

- A. ēn B. ān C. ēng D. āng

Câu 4: Phiên âm đúng của từ 谦虚 là: _____.

- A. qiānxū B. qiānxù C. qiànxù D. qiànxū

Câu 5: Phiên âm đúng của từ 祸害 là: _____uòhài.

- A. g B. k C. t D. h

Câu 6: Phiên âm đúng của từ 懒惰 là: lǎnd_____.
A. ùn B. uì C. òu D. uò

Chọn phương án đúng (ứng với A hoặc B, C, D) điền vào chỗ trống trong các câu sau.

Câu 7: 表演一结束，人们就陆续走出了_____场。

- A. 剧 B. 居 C. 据 D. 锯

Câu 8: 因为家里很穷，所以他要当家教_____钱交学费。

- A. 挣 B. 睁 C. 争 D. 净

Câu 9: 每天晚上我都上网_____览新闻、阅览日报等。

- A. 刘 B. 刈 C. 列 D. 浏

Câu 10: 弟弟很喜欢那顶海军帽，_____其是上面那颗金黄的五角星。

- A. 龙 B. 尤 C. 仇 D. 优

Câu 11: 利用假期去打工既能在实际活动中锻_____自己，又能体会到生活中的风霜。

- A. 炼 B. 冻 C. 练 D. 拣

Chọn phương án đúng (ứng với A hoặc B, C, D) xác định từ loại của từ gạch chân trong các câu sau.

Câu 12: 这次去岷港调查市场的事由你们三个人分别办理。

- A. 副词 B. 形容词 C. 名词 D. 代词

Câu 13: 不管天冷天热，每次过这座桥时都要累出一身汗。

- A. 数词 B. 量词 C. 动词 D. 名词

Câu 14: 我们不仅要学习理论知识，而且要在实践中具体运用。

- A. 连词 B. 副词 C. 介词 D. 动词

Đăng ký nhận điểm thi ĐH - CĐ 2014 sớm nhất VN

Số tin: **DTL <dấu cách> SBD** gửi **8712**

Vd: Bạn thi trường ĐH Bách khoa Hà nội và có số báo danh là BKAA1234

Số tin: **DTL <dấu cách> BKAA1234** gửi **8712**

Câu 15: 心理因素如焦虑、烦躁不安或情绪低落、不愉快等，都是引起失眠的重要原因。

- A. 动词 B. 名词 C. 代词 D. 形容词

Câu 16: 虽然同样是解决健康问题，但是不同的人却有各自的健身理由。

- A. 叹词 B. 副词 C. 介词 D. 助词

Chọn phương án đúng (ứng với A hoặc B, C, D) giải thích từ/ cụm từ gạch chân trong các câu sau.

Câu 17: 日本虽然国土小，资源贫乏，却是黄金生产和消费大国。

- A. 乏力 B. 疲乏 C. 缺少 D. 缺点

Câu 18: 这种情况的发生不能一味批评学生，学校和家长也应该自我检讨一下儿。

- A. 才 B. 光 C. 可 D. 该

Câu 19: 我喜欢在雨中散步，而不在乎雨水淋湿我的衣服。

- A. 在意 B. 呼吁 C. 喜欢 D. 在于

Câu 20: 他虽然是个平凡的人，但在自己的岗位上做出了不平凡的事情。

- A. 普遍 B. 危险 C. 普通 D. 重要

Câu 21: 她和丈夫青梅竹马，双方父母又是同窗好友，两家关系非常好。

- A. 爱好相同 B. 都喜欢梅花 C. 从小就认识 D. 有共同语言

Câu 22: 有些问题，比如迟到，看起来是小事儿，但却是不容忽视的。

- A. 不一定忽视 B. 不可以忽视 C. 容易忽略 D. 可以忽略

Câu 23: 先不说别的，这里连起码的生活条件都不具备，怎么让人工作呢？

- A. 基本 B. 起步 C. 本来 D. 充分

Câu 24: 这不过是我的一点儿意思，请你收下。

- A. 心意 B. 希望 C. 建议 D. 意见

Câu 25: 有的客人专门从老远的地方赶来，请老板为他们缝制旗袍。

- A. 又老又远的地方 B. 既落后又远的地方
C. 很远的地方 D. 原来的地方

Câu 26: 在生活和工作中，我们都希望受到别人的称赞，得到别人的肯定。

- A. 埋怨 B. 表扬 C. 责怪 D. 赞成

Câu 27: 这孩子真不简单，小小年纪独自在国外生活。

- A. 很复杂 B. 难以理解 C. 让人吃惊 D. 了不起

Câu 28: 小陈的成绩在全校都是数一数二的。

- A. 非常突出 B. 排在第二 C. 可以数数 D. 排在第一

Câu 29: 小时候，父母常对我说：“现在不努力学习，以后就不可能有出息。”

- A. 信息 B. 好的前途 C. 消息 D. 到外地去

Chọn phương án đúng (ứng với A hoặc B, C, D) hoàn thành các câu sau.

Câu 30: 在我们的身边，有_____像他这样无私助人的好人啊！

- A. 多么 B. 那么 C. 这么 D. 多少

Câu 31: 在那么多的发言中，只有他的看法_____，有独到的见解。

- A. 乱七八糟 B. 理所当然 C. 莫名其妙 D. 与众不同

Câu 32: _____就是资料缺乏。

- A. 最大困难研究人员所遇到的在研究中 B. 研究人员最大困难所遇到在研究中的
C. 研究人员在研究中所遇到的最大困难 D. 在研究中研究人员的最大困难所遇到

- Câu 33:** 他们每次都让我一一指出问题, 并用笔记录_____。
- A. 下来 B. 过去 C. 下去 D. 过来
- Câu 34:** 我舅舅是_____地质的, 经常出差, 而且一走就是三四个月。
- A. 做 B. 弄 C. 办 D. 搞
- Câu 35:** 为了准备校庆晚会, 大家_____几个双休日都没休息了。
- A. 一连 B. 不停 C. 一直 D. 始终
- Câu 36:** 第五课学完了, 请大家回去后认真复习, 明天我们_____接着学习第六课。
- A. 在 B. 再 C. 又 D. 还
- Câu 37:** 他无非会写几句诗_____, 算不上什么作家。
- A. 来着 B. 着呢 C. 罢了 D. 得了
- Câu 38:** _____海内外的法国巴黎残疾人艺术团将于今晚演出。
- A. 著名 B. 闻名 C. 名声 D. 有名
- Câu 39:** 良好的生存环境_____是生活质量的保证, _____是社会文明程度的体现。
- A. 哪怕……都…… B. 宁可……也不……
C. 不仅……反而…… D. 既……也……
- Câu 40:** 我们村里种植的蔬菜被运_____全国各大城市销售。
- A. 向 B. 朝 C. 冲 D. 往
- Câu 41:** 阳光太刺眼了, 你把窗帘儿拉_____吧。
- A. 住 B. 上 C. 进 D. 起
- Câu 42:** 老师让学生反复练习这个句型, _____加深学生的理解。
- A. 以免 B. 为 C. 免得 D. 以
- Câu 43:** 美貌_____让人动心, _____内在美更加重要。
- A. 即使……也…… B. 固然……但是……
C. 要是……要是…… D. 与其说……不如说……
- Câu 44:** 我这样做_____因为一时的冲动, _____经过深思熟虑的。
- A. 是……还是…… B. 或是……或是……
C. 不是……就是…… D. 不是……而是……
- Câu 45:** 来中国以后, 他的汉语进步很快, 现在已经可以跟中国人做简单_____交流了。
- A. 的 B. 地 C. 着 D. 得
- Câu 46:** 你现在怎么对我_____的, 不是把我看成外人了吧?
- A. 客客气气 B. 客气 C. 客气客气 D. 客气了客气
- Câu 47:** 我不是有钱人, 这么贵的东西我哪_____?
- A. 买得起 B. 买不起 C. 买得不起 D. 卖得起
- Câu 48:** 最近半年来, 我每天都按时起床、按时睡觉, 从而改变了过去晚睡晚起的_____。
- A. 性格 B. 惯例 C. 毛病 D. 缺点
- Câu 49:** 正当他准备放弃的时候, 一个_____的机会改变了他人的人生道路。
- A. 偶然 B. 偶尔 C. 一时 D. 临时
- Câu 50:** 你_____已经向对方许下了承诺, _____应该说话算数, 说到做到。
- A. 连……都…… B. 尽管……但是……
C. 既然……就…… D. 首先……然后……
- Câu 51:** 走到门前, 我敲了几_____, 可房间里面好像没人。
- A. 遍 B. 趟 C. 下 D. 回

Câu 52: 鸟类是人类的朋友，是重要的经济资源，_____对农业生产起着巨大的作用，_____还是自然艺术品，十分珍贵。

- A. 如果……就…… B. 与其……不如……
C. 不但……而且…… D. 虽说……可是……

Câu 53: 这篇文章的最后一_____还要修改一下。

- A. 本 B. 段 C. 件 D. 片

Câu 54: 那本书前天_____我给丢在车上忘了拿回来。

- A. 把 B. 使 C. 叫 D. 派

Câu 55: 有了自己的家，可别忘了父母，希望你们以后_____回家看看。

- A. 往往 B. 通常 C. 曾 D. 常

Câu 56: 老王早上 5 点半起床，_____才到了省城。

- A. 坐了一个小时将近的三轮车 B. 坐了将近一个小时的三轮车
C. 将近坐了三轮车的一个小时 D. 坐了的三轮车将近一个小时

Chọn vị trí đúng (ứng với A hoặc B, C, D) cho từ/ cụm từ trong ngoặc.

Câu 57: A 众所周知，茅台酒是 B 最受欢迎的 C 中国白酒之一 D _____。(国际上)

Câu 58: 明天 A 我们 B 到 C 那儿吃 D 晚饭。(他)

Câu 59: 这首歌 A 难度确实有点儿大，我唱 B 了十 C 遍才 D 唱好。(来)

Câu 60: 只要 A 考上重点大学，B 吃 C 多的苦也是 D 应该的。(再)

Câu 61: 前天上午 A 两国 B 领导人 C 双方共同关心的问题 D 交换了意见。(就)

Câu 62: A 杨校长去过日本，B 买了不少日本 C 出版的 D 书。(关于越南文化的)

Câu 63: 我当时没注意 A，他就站 B 在离 C 我不远的地方看 D 我。(着)

Câu 64: 这条 A 路重新修建 B 了一遍，比以前 C 走 D 多了。(好)

Câu 65: 今天 A 我们 B 本来是要出去 C 野餐的，可 D 会想到老天竟会下雨！(哪里)

Chọn phương án đúng (ứng với A hoặc B, C, D) điền vào chỗ trống, từ câu 66 đến câu 75.

研究发现，饮食中增加蛋白质，减少碳水化合物供应，可使由遗传 (66) _____而发生近视的青少年减少或中止近视度数的。(67) _____，为避免发生近视，少吃糖果和高糖食品。研究表明，预防近视可补充蛋白质、钙质、磷质，胡萝卜、豆芽、橘子、红枣等蔬菜水果也对预防近视有益。

体质因素方面除遗传外，主要和 (68) _____有关。眼睛在生长发育 (69) _____缺乏某种或某些重要的营养物质，使眼球组织变得比较脆弱，在环境因素的作用下，眼球壁的巩膜容易扩张，从而使眼睛的前后轴伸长而发生近视。

多数近视儿童有爱吃零食、挑食、偏食的 (70) _____。他们吃的 (71) _____精粮和快餐食品，这些食品中缺乏营养物质或营养物质破坏较多。(72) _____他们的膳食中缺乏乳、蛋、鱼、肉、鸡等优质蛋白食品和粗粮食品。缺乏的食物种类越多，总量越大，近视的 (73) _____越高，近视的程度也越高。

小孩子近视吃什么对视力 (74) _____？为防止近视的发生和发展，食疗所选用的食品主要是补充眼内睫状肌与巩膜必需的营养物质，增强睫状肌的肌力，帮其 (75) _____固有能力。

(据 2014 年 5 月 13 日《人民网》，有删改)

Câu 66: A. 背影 B. 背景 C. 环境 D. 家境

Câu 67: A. 因为 B. 从此 C. 因此 D. 于是

- Câu 68:** A. 营养过剩 B. 营养不良 C. 消化不良 D. 大吃大喝
- Câu 69:** A. 时刻 B. 时间 C. 期间 D. 岁月
- Câu 70:** A. 习惯 B. 习气 C. 习性 D. 习俗
- Câu 71:** A. 都是 B. 多是 C. 还是 D. 仍是
- Câu 72:** A. 同样 B. 以致 C. 所以 D. 同时
- Câu 73:** A. 发生率 B. 风险率 C. 比例 D. 效率
- Câu 74:** A. 有帮助 B. 有补助 C. 有协助 D. 有利益
- Câu 75:** A. 答复 B. 挽回 C. 回到 D. 恢复

Chọn phương án đúng (ứng với A hoặc B, C, D) theo nội dung bài đọc, từ câu 76 đến câu 80.

国民阅读量持续低迷，“无暇阅读”只是一方面因素，但绝非最重要的因素，问题的关键在于，过于功利的读书观束缚了很多人的阅读。

当前国民阅读的两大尴尬是，最该读书的人不读书，最该读的书没人读。前者更多是指中小學生而言，处于黄金年龄的他们往往淹没在书山题海之中，一切与课本无关的内容都被打入另类；后者则是指经典著作日渐式微，占据排行榜的往往是“快餐文化”。这两种现象是一个连续的过程——既然应试教育的评价体系是以分数为本，学生只要集中精力应付考试就万事大吉，根本就不需要广泛阅读；学生时代没有养成阅读习惯，成年之后如何会想起广泛阅读？

读书观束缚了很多人的阅读。自学生时代开始，阅读就被锁定范围、附加功能，抹杀了真正的阅读兴趣之后，读书无疑成为一件索然无味的“苦差事”。因此，步入成人社会之后，面对一本书，很多人首先考虑：阅读这本书能给我带来什么帮助？竟不知道，读书不仅是为了获取知识，更是为了享受精神的愉悦、追求灵魂的自由。遗憾的是，在功利阅读中浸淫已久，很多人已经失去了放飞灵魂的欲望。

国民阅读不仅关乎个人修养与素质，而且关乎国家文化软实力与核心竞争力。因此，全民阅读成为一项已列入立法工作计划。除此之外，只有超越了功利主义色彩的束缚，才能扭转国民阅读低迷的困境。

(据 2014 年 4 月 23 日《光明文化网》，有删改)

Câu 76: 国民阅读量持续低迷的主要原因是什么？

- A. 没有质量好的书 B. 没有时间读书
C. 阅读决不重要 D. 功利读书观的束缚

Câu 77: 中小學生会看哪种书？

- A. 与课本有关的书 B. 打入另类的书
C. 日渐式微的经典著作 D. 与课本无关的书

Câu 78: 文中的“快餐文化”指的是什么？

- A. 快捷方便的食物 B. 内容非常简单的书
C. 具有权威性的著作 D. 具有民族特色的快餐

Câu 79: 成人读书的目的是什么？

- A. 满足自己的兴趣 B. 获取知识、享受精神的愉悦
C. 为了自己的利益 D. 放飞灵魂的欲望

Câu 80: 根据上文，下列哪项不正确？

- A. 阅读不仅与个人素质而且与整个国家软实力有着密切的关系
B. 改变国民阅读低迷情况，要有法律规定和个人功利超越的努力
C. 学生只要集中精力认真应付考试，根本就不需要广泛阅读
D. 成年之后的阅读习惯与学生时代形成的阅读习惯有很大的关系

----- HẾT -----



Đăng ký nhận điểm thi ĐH - CĐ 2014 sớm nhất VN

Số tin: **DTL <dấu cách> SBD** gửi **8712**

Vd: Bạn thi trường ĐH Bách khoa Hà nội và có số báo danh là BKA1234

Số tin: **DTL <dấu cách> BKA1234** gửi **8712**

